

Thứ sáu, ngày 17 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tiếp tục tăng điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/1/2020		●	
Tuần 20/1-24/1/2020		●	
Tháng 1/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phiên cuối tuần diễn ra khá tích cực khi VN-Index duy trì được đà tăng của những phiên trước. Các cổ phiếu bluechips như VCB, VHM, VJC, SAB, PLX, MWG giữ vững vai trò nâng đỡ và dẫn dắt thị trường của mình trong phiên sáng. Đến phiên chiều, đà bứt phá ngoại mục của VCB đã đẩy chỉ số lên áp sát mốc 980 điểm. Thanh khoản duy trì mức trung bình và khối ngoại mua ròng cho thấy tâm lý nhà đầu tư thời điểm cận nghỉ lễ đang khá tích cực và có thể sẽ tiếp diễn sang tuần sau. Tuy vậy, cũng không loại trừ khả năng hoạt động bán chốt lời của một số nhà đầu tư trong các phiên tới sẽ gây áp lực cho VN-Index.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng 1.4%. 11/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.5%

Phân tích kỹ thuật: GVR_ Mô hình 2 đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.65 điểm**, đóng cửa 978.96. HNX-Index **-0.43 điểm**, đóng cửa 103.88.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+5.69); VJC (+0.34); SAB (+0.22); VNM (+0.20); PLX (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.58); MSN (-0.40); HPG (-0.24); HVN (-0.18); POW (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,318 tỷ đồng**, -13% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.23 điểm. Thị trường có 148 mã tăng, 79 mã tham chiếu và 162 giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **52.51 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (35.07 tỷ), VNM (33.88 tỷ) và SSI (14.06 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **1.38 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

978.96

Giá trị: 2318.72 tỷ

4.65 (0.48%)

Khối ngoại (ròng): 52.51 tỷ

HNX-INDEX

103.88

Giá trị: 232.91 tỷ

-0.44 (-0.42%)

Khối ngoại (ròng): -1.38 tỷ

UPCOM-INDEX

55.41

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.05 (-0.09%)

Khối ngoại (ròng): -21.49 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.7	0.34%
Giá vàng	1,555	0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,171	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,804	-0.13%
Tỷ giá JPY/VND	21,029	-0.03%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	9.45%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-1.68%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	35.1	NKG	-62.1
VNM	34.0	VEA	-24.0
E1VFN30	25.3	VRE	-9.6
SSI	14.1	MSN	-7.1
CTG	12.3	BID	-5.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **11/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.5%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	1.4%	0.5%	-3.0%	-14.6%	-16.4%	-15.9%	15.9%	18.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.1%	2.9%	8.9%	3.6%	9.9%	18.3%	53.3%	19.6%
VN FinSelect	0.9%	2.4%	7.5%	2.2%	7.4%	14.6%	45.1%	18.1%
Ngân hàng	0.7%	3.9%	10.9%	8.4%	16.3%	29.2%	93.6%	22.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.5%	2.2%	5.2%	0.7%	8.8%	33.4%	119.7%	18.9%
FTSE Việt Nam	0.2%	0.6%	2.2%	-1.3%	-0.5%	8.0%	86.4%	14.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	0.9%	-0.7%	1.5%	-4.8%	13.2%	44.8%	14.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	1.4%	2.8%	-3.8%	0.0%	7.6%	56.2%	14.4%
VN Diamond	0.2%	1.5%	4.8%	-1.7%	8.6%	19.8%	71.2%	16.9%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.2%	0.9%	-10.2%	-6.9%	1.9%	56.0%	17.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.4%	1.8%	-1.9%	-2.0%	6.9%	77.0%	13.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	1.2%	3.9%	-1.7%	7.3%	19.0%	75.3%	17.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	0.9%	4.0%	-1.4%	4.0%	17.5%	84.3%	15.9%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.7%	-3.4%	-6.2%	-8.9%	2.6%	42.3%	14.3%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-0.7%	-1.9%	-7.6%	-12.0%	0.8%	9.9%	15.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	0.9%	-0.6%	-4.3%	-13.1%	-6.2%	39.4%	21.1%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	0.8%	0.0%	-2.6%	-0.9%	10.9%	8.6%	18.6%
Dầu khí	-0.4%	-2.6%	-4.2%	-8.9%	-14.6%	-1.1%	16.4%	22.7%
Lãi suất giảm	-0.4%	0.6%	1.0%	-6.8%	-7.6%	-0.7%	51.5%	17.8%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.7%	0.4%	0.2%	-3.5%	-3.5%	5.3%	58.1%	16.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 3	1.0%	1.8%	3.7%	0.7%	7.6%	22.4%	73.6%	18.3%
Danh mục 8	0.8%	1.3%	2.4%	-1.2%	1.8%	16.8%	59.2%	17.2%
Danh mục 13	0.5%	0.4%	2.2%	-3.1%	-0.9%	6.8%	41.6%	15.9%
Danh mục 18	-0.3%	-0.9%	1.1%	0.1%	-3.2%	8.0%	122.5%	17.9%
Danh mục 12	-0.4%	-0.3%	2.0%	-0.4%	2.0%	21.7%	75.9%	18.4%

* Note **12/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.3%	-0.5%	0.3%	-4.7%	-3.9%	24.9%	92.4%	20.1%
Danh mục 19	0.3%	1.4%	3.6%	-1.0%	7.0%	23.0%	62.1%	15.2%
Danh mục 21	0.2%	1.7%	3.6%	-1.4%	6.0%	18.8%	61.9%	15.6%
Danh mục 23	0.0%	1.3%	-2.8%	-7.3%	-9.1%	14.2%	87.5%	18.7%
Danh mục 25	-0.1%	1.5%	0.6%	-4.8%	-0.1%	26.5%	123.0%	17.8%

* Note **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.5%	1.1%	2.9%	-0.5%	-1.1%	7.6%	44.0%	15.3%
VN30INDEX	0.3%	1.1%	3.7%	-2.1%	0.7%	3.4%	40.6%	15.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

1/17/2020

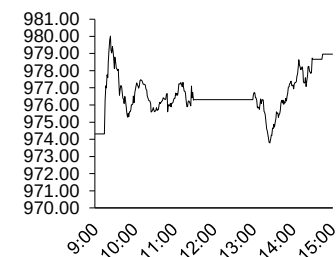
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

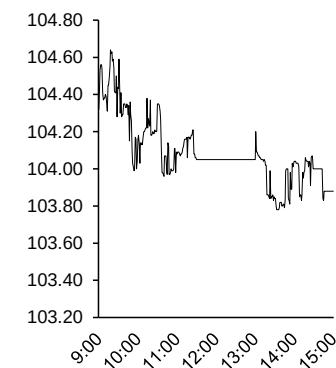
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	-0.8%
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%
Truyền thông	-0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.4%
Dịch vụ tài chính	-0.2%
Bất động sản	-0.2%
Bảo hiểm	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Thực phẩm và đồ uống	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.3%
Hóa chất	0.4%
Du lịch và Giải trí	0.4%
Y tế	0.4%
Dầu khí	0.6%
Bán lẻ	0.7%
Ô tô và phụ tùng	0.9%
Ngân hàng	1.8%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

GVR_ Mô hình 2 đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GVR đã hình thành mô hình 2 đáy tựa ngưỡng giá 10 và 11. Thanh khoản cổ phiếu vẫn đang ở mức thấp và nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên, nhưng đang có dấu hiệu hồi phục dần trong hai phiên gần nhất. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua tại vùng giá 11-12, chốt lãi trung hạn tại ngưỡng kháng cự cũ 14 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Catalyst

Lợi nhuận đột biến từ chuyển đổi đất cao su thành KCN: Giai đoạn 1(2019 – 2020): hơn 1,500 ha NTC, VSIP, sân bay Long Thành và giai đoạn 2 (2021- 2025) chuyển đổi 7,000 ha ở các tỉnh Đông Nam Bộ với giá chuyển nhượng khoảng 600 triệu đồng/ ha.

Catalyst

Lợi nhuận đột biến từ chuyển đổi đất cao su thành KCN: Giai đoạn 1(2019 – 2020): hơn 1,500 ha NTC, VSIP, sân bay Long Thành và giai đoạn 2 (2021- 2025) chuyển đổi 7,000 ha ở các tỉnh Đông Nam Bộ với giá chuyển nhượng khoảng 600 triệu đồng/ ha.

Luận điểm đầu tư

1. Mảng kinh doanh gỗ khả quan nhờ triển vọng ngành hưởng lợi từ hiệp định thương mại CPTPP, EVFTA.
2. Xu hướng chuyển đổi đất nông nghiệp thành KCN

Rủi ro Đầu tư

1. Rủi ro chậm tiến độ chuyển giao đất.
2. Biến động giá cao su và giá gỗ.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 17/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 17/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.60	1.33%	-1.59%	-3.43%	12.54%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.54	0.78%	-1.22%	-2.01%	5.49%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	0.08%	-0.13%	-0.47%	16.34%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1553.04	-0.23%	0.08%	5.24%	20.26%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.94	-0.48%	0.05%	5.48%	15.58%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	926.35	-1.32%	-1.32%	-0.58%	2.05%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	564.43	-2.00%	0.61%	1.55%	9.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.98	-0.06%	0.18%	-12.38%	21.29%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	175.00	0.86%	-0.85%	-0.46%	-7.89%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.43	-0.62%	5.25%	8.74%	12.30%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.80	0.00%	12.00%	-2.78%	-5.41%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	112.65	-1.44%	-4.01%	-14.79%	10.01%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.86	-0.12%	2.12%	1.68%	5.79%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3671.00	-2.63%	-2.39%	-0.70%	1.13%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1801.00	-0.44%	0.03%	1.29%	-3.07%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	95.50	0.00%	0.53%	2.69%	29.05%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	71.48	-1.43%	0.39%	4.53%	-29.59%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent tăng 62 US cent tương đương 1% lên 64.62 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 71 US cent tương đương 1.2% lên 58.52 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khoảng 1% do tiến bộ của Hiệp định Thương mại Tự do Mỹ - Mexico – Canada, làm gia tăng lạc quan nhu cầu năng lượng sẽ tăng trong năm 2020.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.3% xuống 1,551.53 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 giảm 0.2% xuống 1,550.5 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do lạc quan về số liệu kinh tế Mỹ và thị trường chứng khoán tăng do lạc quan về việc ký kết thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung "giai đoạn 1", khiến vàng trở nên kém hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.
- Chứng khoán thế giới tăng lên mức cao kỷ lục mới, trong khi chỉ số đồng USD xói mòn mức giảm trước đó sau số liệu kinh tế tích cực của Mỹ. Doanh số bán lẻ của Mỹ trong tháng 12/2019 tăng tháng thứ 3 liên tiếp và chỉ số hoạt động sản xuất tại Trung Đại Tây Dương Mỹ tăng lên mức cao nhất 8 tháng. Doanh số bán hàng kỳ nghỉ của Mỹ năm 2019 tăng 4.1% so với năm 2018, do mức lương ổn định và tăng trưởng việc làm khuyến khích người mua sắm đến các cửa hàng tạp hóa, đồ uống và đồ nội thất, Liên đoàn Bán lẻ Quốc gia cho biết.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 665 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm do các hạn chế sản xuất mới của nước này bởi ô nhiễm, trong khi thị trường thận trọng sau khi 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới ký thỏa thuận thương mại giai đoạn đầu. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.03% xuống 3,555 CNY/tấn, trong khi giá thép cuộn cán nóng tăng 0.06% lên 3,595 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Cà phê arabia kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 1.9 US cent tương đương 1.7% xuống 1.1245 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 12 USD tương đương 0.9% xuống 1,315 USD/tấn. Giá cà phê tại Việt Nam giảm trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, trong khi hoạt động giao dịch tại Indonesia diễn ra trầm lắng do nguồn cung khan hiếm và dự kiến giá cà phê sẽ không tăng đến tận tháng 3/2020. Các nhà xuất khẩu chờ đợi vụ thu hoạch cà phê robusta tiếp theo tại khu vực phía nam của đảo Sumatra Indonesia, nơi thường bắt đầu vào khoảng tháng 3.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2019 duy trì ổn định ở mức 14.52 US cent/lb, trong phiên có lúc đạt 14.58 US cent/lb, cao nhất 2 năm. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 5.3 USD tương đương 1.4% lên 398.7 USD/tấn.
- Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam giảm còn 345 USD/tấn so với mức 355 USD/tấn. Trong khi đó, gạo Thái Lan tăng lên mức cao nhất kể từ cuối tháng 4/2018 (435-445 USD/tấn) so với mức 425-435 USD/tấn. Gạo Ấn Độ tăng lên 364-368 USD/tấn so với 362-366 USD/tấn tuần trước. Giá xuất khẩu gạo Thái Lan tăng lên mức cao nhất 20 tháng do tình trạng hạn hán kéo dài làm gia tăng mối lo ngại nguồn cung, trong khi nhu cầu từ các nước châu Phi cải thiện thúc đẩy nhu cầu gạo Ấn Độ.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn TOCOM tăng 1.3 JPY (0.0118 USD) lên 207 JPY/kg. Trên sàn

ĐÊ ĐEN VÀ ĐÊ TRẮNG

Một gia đình nông dân nọ có nuôi một đàn dê, trong đó chỉ có một chú dê đen. Các con dê trắng rất kiêu ngạo, và thường tỏ ra coi thường chú dê đen.

Ngay cả người nông dân cũng coi thường chú, ông ta chỉ cho cậu ăn những loại cỏ kém chất lượng, thỉnh thoảng còn đánh dê đen vì tranh ăn với dê trắng.

Một ngày đầu xuân, cả đàn dê cùng ra ngoài ăn cỏ, chúng đi rất xa. Đột nhiên trời đổ một trận mưa tuyết lớn, cả đàn đành nấp vào một bụi cây.

Một lúc sau, xung quanh bụi cây đã phủ đầy tuyết trắng, do tuyết dày nên cả đàn dê không sao ra được, chỉ còn cách ngồi chờ người nông dân đến cứu.

Người nông dân lên núi tìm đàn dê của mình, nhưng vì xung quanh toàn tuyết trắng, nên ông không sao phát hiện ra đàn dê ở đâu.

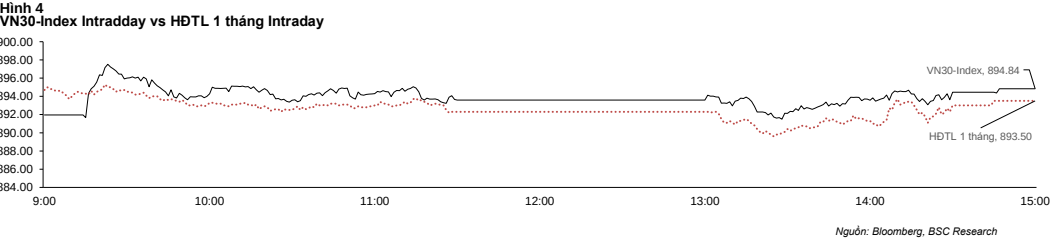
May mắn thay, ông nhìn thấy từ xa, có một đốm đen. Khi chạy tới, quả nhiên cả đàn dê đang bị kẹt ở đó, và đốm đen kia chính là chú dê đen.

Người nông dân ôm lấy chú dê đen và thốt lên “May mà nhờ có mày, nếu không cả đàn đã chết cứng vì tuyết rồi”. Các chú dê trắng cũng ôm lấy chú dê đen và cảm ơn rối rít..

Bài học rút ra: “Mười ngón tay có ngón ngắn ngón dài”. Trong một tổ chức, sẽ có nhiều loại nhân viên. Nhà quản lý không nên đánh giá nhân viên dựa trên một góc độ, mà phải có cái nhìn toàn diện, và dùng người đúng sở trường, cố gắng phát huy hết khả năng của họ.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2002	893.50	0.24%	-1.34	656.9%	70607	2/20/2020	34
VN30F2003	894.90	0.13%	0.06	130.0%	115	3/19/2020	62
VN30F2006	897.90	0.11%	3.06	-27.6%	21	6/18/2020	153
VN30F2009	898.00	n/a	3.16	n/a	71	9/17/2020	244

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +2.88 điểm lên mức 894.84 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VJC, STB, EIB, và TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh ngay đầu phiên sáng lên gần 898 điểm, sau đó điều chỉnh giảm về mức tham chiếu. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên gần 895 điểm. Các chỉ báo cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn, VN30 có thể kiểm tra ngưỡng 900 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá lý thuyết	Price/Value
CVJC1902	SSI	4/22/2020	96	1:1	8,850	11.7%	1.0 triệu	13.65%	27,900	27,210	5.88%	19,885.60	1.37
CREE1903	SSI	4/22/2020	96	1:1	11,610	-36.9%	1.0 triệu	22.53%	7,600	4,560	4.11%	2,166.60	2.10
CREE1905	MBS	6/17/2020	152	3:1	237,560	136.6%	2.4 triệu	22.53%	2,150	1,950	2.63%	3,572.00	0.55
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	5	5:1	253,830	301.8%	1.5 triệu	21.83%	2,220	2,240	1.82%	11,751.40	0.19
CVNM1905	MBS	4/28/2020	102	10:1	64,660	174.0%	1.5 triệu	17.83%	2,500	1,120	1.82%	202.60	5.53
CTCB1902	VND	6/5/2020	140	1:1	54,220	-68.7%	2.0 triệu	21.28%	5,300	4,010	1.52%	3,037.90	1.32
CVHM1902	SSI	4/22/2020	96	3:1	22,530	155.7%	1.0 triệu	21.75%	18,600	10,050	0.10%	4,858.10	2.07
CVNM1903	SSI	4/22/2020	96	3:1	7,200	-44.0%	1.0 triệu	17.83%	26,600	13,500	0.00%	4,356.30	3.10
CVNM1906	VND	3/5/2020	48	2:1	12,100	-82.2%	1.0 triệu	17.83%	8,100	4,910	-0.41%	2,817.10	1.74
CVIC1902	SSI	4/22/2020	96	1:1	6,700	21.8%	1.0 triệu	14.67%	22,700	12,510	-0.64%	4,132.60	3.03
CVPB1901	VND	3/5/2020	48	1:1	145,930	-12.7%	2.0 triệu	21.12%	3,500	4,380	-1.13%	4,014.00	1.09
CFPT1908	MBS	6/17/2020	152	3:1	101,180	23.0%	2.4 triệu	20.96%	3,150	3,040	-1.30%	5,871.10	0.52
CFPT1905	SSI	4/22/2020	96	1:1	42,090	-0.6%	1.0 triệu	20.96%	9,900	6,850	-1.58%	4,390.30	1.56
CFPT1906	HSC	4/8/2020	82	5:1	32,420	-83.6%	5.0 triệu	20.96%	1,700	1,200	-1.64%	2,913.60	0.41
CMBB1905	HSC	4/8/2020	82	2:1	68,010	-82.2%	5.0 triệu	17.93%	1,700	850	-2.30%	438.50	1.94
CHPG1907	SSI	4/22/2020	96	1:1	66,010	19.9%	1.0 triệu	24.83%	4,200	5,520	-2.30%	4,352.30	1.27
CHPG1909	KIS	5/15/2020	119	2:1	35,730	-37.5%	5.0 triệu	24.83%	1,800	1,590	-2.45%	1,771.00	0.90
CVRE1903	KIS	5/15/2020	119	2:1	40,110	-50.0%	4.0 triệu	22.16%	2,700	1,510	-3.21%	486.80	3.10
CHPG1908	MBS	1/22/2020	5	2:1	25,030	-14.0%	2.0 triệu	24.83%	1,450	2,250	-6.25%	4,513.30	0.50
CMSN1902	KIS	5/15/2020	119	5:1	210,210	258.0%	2.0 triệu	26.49%	1,640	640	-12.33%	49.40	12.96
CMSN1903	MBS	3/17/2020	60	5:1	40,780	1788.0%	1.0 triệu	26.49%	1,350	1,010	-16.53%	2,238.20	0.45
CREE1902	SSI	1/22/2020	5	1:1	38,210	-58.4%	1.0 triệu	22.53%	5,600	660	-38.89%	696.80	0.95
Tổng:			1,524,970		38.90 triệu	21.17%**							
Chú thích:		Bảng báo gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 17/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.

• Về giá, CREE1902 và CMSN1903 giảm mạnh lần lượt là -38.89% và -16.53%. Thanh khoản thị trường giảm -21.05%. CREE1905 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.46% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, VJC và VRE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	94.50	5.59	2.04
VJC	148.20	1.51	0.79
STB	10.60	1.92	0.50
EIB	17.80	1.42	0.36
TCB	23.40	0.43	0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	55.0	-2.14	-0.77
HPG	25.0	-1.19	-0.68
FPT	57.6	-0.69	-0.30
ROS	10.0	-4.76	-0.16
BID	53.5	-0.93	-0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC1902	157,900	130,000	148,200
CREE1903	43,600	36,000	36,500
CREE1905	41,050	34,600	36,500
CPNJ1902	90,100	79,000	90,700
CVNM1905	150,725	125,725	118,600
CTCB1902	26,300	21,000	23,400
CVHM1902	103,600	85,000	86,000
CVNM1903	145,580	118,980	118,600
CVNM1906	130,225	114,025	118,600
CVIC1902	137,700	115,000	114,900
CVPB1901	21,500	18,000	21,900
CFPT1908	63,450	54,000	57,600
CFPT1905	64,900	55,000	57,600
CFPT1906	65,500	57,000	57,600
CMBB1905	26,400	23,000	22,000
CHPG1907	25,200	21,000	25,000
CHPG1909	28,280	24,680	25,000
CVRE1903	41,189	35,789	32,600
CHPG1908	23,400	20,500	25,000
CMSN1902	86,089	77,889	55,000
CMSN1903	62,450	55,700	55,000
CREE1902	41,600	36,000	36,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	116.1	0.6%	0.8	2,288	2.2	8,321	14.0	4.6	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	90.7	0.9%	1.0	888	2.9	4,839	18.7	4.9	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	65.9	-0.2%	1.3	2,127	0.4	1,889	34.9	2.9	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.7	-1.2%	0.7	319	0.2	2,801	11.3	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.9	-0.1%	1.0	16,897	0.8	1,589	72.3	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.6	-0.6%	1.1	3,221	1.2	1,033	31.6	2.7	33.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	0.0%	0.8	2,361	0.7	3,187	17.6	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.5	0.3%	1.0	492	1.2	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.0	-2.3%	1.4	296	0.8	3,215	4.0	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.3	0.8%	1.4	425	2.4	1,769	10.9	1.0	54.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.8	1.1%	1.0	206	0.0	5,067	5.7	1.3	36.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.6	-1.1%	1.5	287	0.7	1,287	16.8	1.5	56.4%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.6	-0.7%	0.9	1,699	3.5	4,688	12.3	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	93.2	-0.1%	1.7	7,756	1.1	5,886	15.8	3.9	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.2	0.9%	1.5	2,910	0.3	3,467	16.2	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.9	-0.6%	1.6	372	0.9	2,062	8.7	0.7	21.4%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.3	-1.4%	0.8	984	0.4	1,163	6.3	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	88.0	0.7%	0.5	500	0.0	4,535	19.4	3.6	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.5	0.0%	0.8	213	0.1	650	19.2	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.9	-0.8%	0.6	136	0.0	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	94.5	5.6%	1.3	15,239	8.9	5,274	17.9	4.3	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	53.5	-0.9%	1.6	9,356	1.5	2,109	25.4	3.3	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.0	0.2%	1.6	4,039	7.0	1,641	15.2	1.3	29.7%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.9	0.2%	1.2	2,321	2.3	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.2	2,225	4.6	3,261	6.7	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.8	-0.4%	1.1	1,714	2.8	3,585	6.6	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.7	0.9%	0.8	163	0.0	5,073	9.0	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	30.8	0.3%	0.3	131	0.0	4,603	6.7	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.8	-0.7%	1.3	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.0	-1.2%	0.9	3,001	7.0	2,526	9.9	1.5	38.4%	17.4%
HSG	Thép	8.4	-0.9%	1.6	155	1.6	890	9.5	0.7	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.6	0.3%	0.7	8,979	1.9	5,527	21.5	7.6	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	234.5	0.5%	0.8	6,538	0.1	7,365	31.8	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	55.0	-2.1%	1.2	2,795	1.2	4,512	12.2	1.9	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	-0.5%	0.6	472	1.2	440	42.1	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	70.0	-1.4%	0.8	6,626	0.0	2,630	26.6	5.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	148.2	1.5%	1.1	3,375	3.2	9,850	15.0	5.7	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.6	-1.4%	1.7	2,007	0.2	1,747	18.6	2.5	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.4	0.9%	0.8	276	0.2	1,949	11.0	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.3	-1.3%	0.6	187	0.1	2,571	6.0	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.5	0.1%	1.0	470	0.6	8,338	8.1	3.4	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.2	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	0.3%	0.8	248	0.1	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	52.7	6.9%	0.8	175	0.6	9,842	5.4	0.5	47.3%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.8	0.8%	1.1	495	0.0	1,557	16.6	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	26.0	0.0%	0.4	280	0.9	1,845	14.1	1.2	51.1%	8.8%
POW	Điện	10.8	-1.8%	0.6	1,100	0.8	820	13.2	1.0	13.5%	7.8%
NT2	Điện	18.3	-1.9%	0.5	229	0.2	2,721	6.7	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	94.50	5.59	5.40	2.22MLN
VJC	148.20	1.51	0.35	506950.00
SAB	234.50	0.51	0.22	12580.00
VNM	118.60	0.34	0.20	375030.00
PLX	56.20	0.90	0.19	128190.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDV	41.00	5.67	0.02	31900.00
VCG	25.80	0.78	0.02	26000.00
IDJ	8.00	6.67	0.02	280500.00
DGC	24.70	0.82	0.02	29200.00
HVT	39.00	8.33	0.01	900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	53.50	-0.93	-0.59	643490.00
MSN	55.00	-2.14	-0.41	496940.00
HPG	25.00	-1.19	-0.24	6.33MLN
HVN	32.55	-1.36	-0.19	155850.00
POW	10.80	-1.82	-0.14	1.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.30	-2.67	-0.22	5.60MLN
ACB	23.80	-0.42	-0.16	2.70MLN
AMV	19.60	-4.39	-0.03	218500.00
PVS	17.90	-0.56	-0.03	1.21MLN
TVC	20.90	-2.79	-0.02	139600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	19.90	6.99	0.02	20.00
RIC	5.97	6.99	0.00	2000.00
GAB	31.60	6.94	0.01	164740.00
CTD	52.70	6.90	0.08	251890.00
PJT	12.40	6.90	0.00	1240.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	14.3	0.01	593900.00
SPI	0.90	12.5	0.00	10500.00
SSM	6.60	10.0	0.00	5600.00
TTZ	3.30	10.0	0.00	211100.00
KHS	11.10	9.9	0.01	3900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
UDC	3.72	-7.00	0.00	10.00
PNC	13.30	-6.99	0.00	20.00
AGF	4.94	-6.97	0.00	10.00
TDW	24.05	-6.96	0.00	10.00
LMH	3.61	-6.96	0.00	870.00

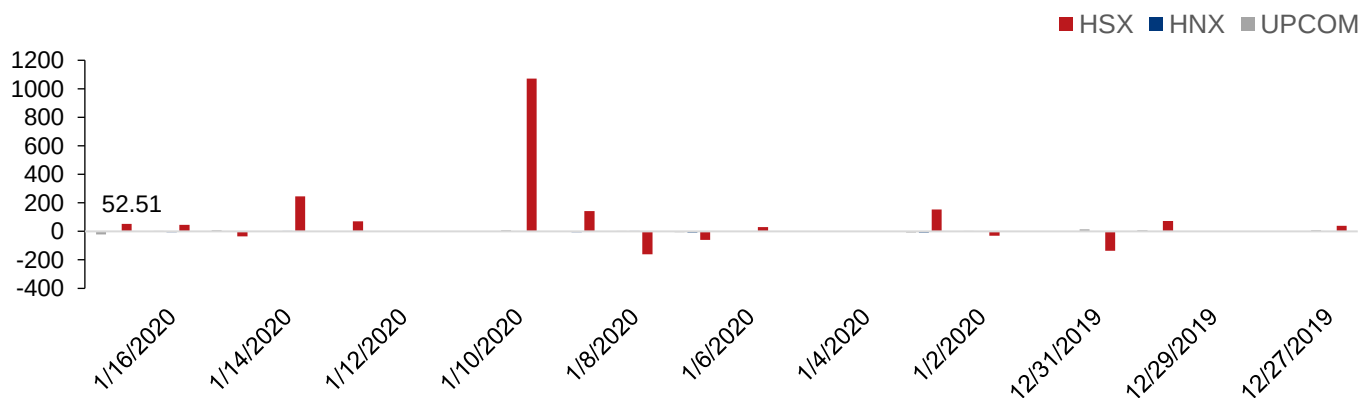
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PCG	18.00	-10.00	-0.01	200.00
CKV	14.70	-9.82	0.00	100.00
MCF	8.30	-9.78	0.00	200.00
PV2	2.80	-9.68	-0.01	700.00
SMT	15.30	-9.47	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.8	5,020	5.3	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	90.7	4,839	18.7	4.9	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.3	2,571	6.0	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	159.9	29,035	5.5	4.3	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.7	0	13.8	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	116.1	8,321	14.0	4.6	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.8	3,585	6.6	1.5	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.5	2,692	4.6	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.4	2,660	8.8	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	114.8	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	94.5	5,274	17.9	4.3	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.0	9,530	3.1	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.6	4,688	12.3	2.9	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	25.2	3,491	7.2	1.2	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.6	2,246	7.8	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	33.0	2,846	11.6	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	55.0	4,512	12.2	1.9	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	118.6	5,527	21.5	7.6	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.6	2,887	7.5	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.5	5,614	6.5	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn